TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ - ST
Ngày 26/5/2023.
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Hoàng Thị Thanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Cường– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2022/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Nữ Ngọc L, sinh năm 1981- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số C, thôn Thanh L, xã Đức M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Mai H, sinh năm 1976. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Số C, thôn Thanh L, xã Đức M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị L và anh Mai H kết hôn ngày 11/10/2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có hai người con chung là cháu Mai S, sinh năm 2002 và cháu Mai Xuân H, sinh năm 2008. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vả dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn được nữa, cuộc sống hôn nhân lúc nào cũng thấy ngột ngạt, chồng chị hay uống rượu

về rồi đánh đập vợ con, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Vì vậy chị L xin được ly hôn với anh Mai H. Về con chung: cháu Mai S đã trưởng thành, đối với cháu Mai Xuân H, sinh ngày 02/2/2008 do điều kiện chị đi làm việc ở xa, chị xin giao cháu cho anh Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của bị đơn, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX); Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật cụ thể: Không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Đề nghị giải quyết cho Chị L ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu Mai Xuân H, sinh năm 2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hợp trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Nữ Ngọc L khởi kiện anh Mai H về việc ly hôn, yêu cầu về nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Thanh L, xã Đức M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án

nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng Dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn có mặt tại địa phương, biết được việc Toà án thụ lý vụ án nhưng không hợp tác giải quyết vụ án mặc dù Toà án đã gọi điện thoại cũng như niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Vì vậy, Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H vắng mặt không có lý do Toà án đã tiến hành hoãn phiên toà lần thứ nhất, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX nhận định Chị L và anh H có đăng ký kết hôn vào năm 11/10/2000 tại UBND xã Đức M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh H không hợp tác để giải quyết vụ án, trên cơ sở lời khai của Chị L, mâu thuẫn do chồng chị uống rượu về rồi đánh vợ con, làm cho vợ chồng không chung sống được với nhau. Chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh H vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Như vậy, hôn nhân của Chị L và anh H đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Nữ Ngọc L về việc ly hôn với anh Mai H.

[3.2] Về yêu cầu con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 26/12/2022, cháu Mai Xuân H, sinh ngày 02/2/2008 có nguyện vọng được ở cùng với anh H. Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Hội đồng xét xử xét thấy Chị L có nguyện vọng giao cháu Mai Xuân H cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hiện nay cháu Mai Xuân H đang sống với bà ngoại nhưng chị L đi làm ăn xa vẫn gửi tiền về để lo cho con. Cháu Mai Xuân H có ý kiến xin được sống cùng với bố vì từ nhỏ đến giờ cháu đã sống cùng với bà ngoại nhưng bố thường xuyên bên cháu và cháu thường xuyên đến với bố chứ mẹ ở quá xa lâu lâu mới về, cháu không muốn thay đổi môi trường sống, cháu muốn ổn định để học tập, cháu là con trai giờ cháu đã lớn hơn nên cháu muốn được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con không làm xáo trộn cuộc sống của cháu cũng như nguyện vọng của cháu, HĐXX thấy cần giao cháu Mai Xuân H, sinh ngày 02/2/2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn Chị L, anh H có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[3.4] Về yêu cầu chia tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Nữ Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 72; Điều 143; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nữ Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nữ Ngọc L được ly hôn với anh Mai H.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Xuân H, sinh ngày 02/2/2008 cho anh Mai H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Nữ Ngọc L và anh Mai H có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về yêu cầu chia tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Nữ Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006982 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS H. Đăk Mil;
- UBND xã Đức Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ